

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P1, huyện P và Ủy ban nhân dân xã P1, huyện P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn K - Chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển thủy lợi S;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thanh S1 – Phó Tổng Giám đốc (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Doãn Thị T2, sinh năm 1964 (vợ ông T, có mặt);

3. Anh Trần Bình T3, sinh năm 1985 (con ông T, vắng mặt);

4. Anh Trần Tiến T4, sinh năm 1989 (con ông T, vắng mặt);

5. Chị Đặng Thị T5, sinh năm 1984 (con dâu ông T, vắng mặt);

Cùng hộ khẩu: Thôn T1, xã P1, huyện P, thành phố H; cùng tạm trú: Khu C, xã P1, huyện P, thành phố H.

6. Chị Trần Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Đội 20, thôn N1, xã K1, huyện M, thành phố H (con ông T, vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông **Trần Văn T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện là ông Trần Văn T trình bày:

Năm 1989, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã P1 và Hợp tác xã nông nghiệp P1 quy hoạch Chợ xã P1 tại phía Đông trục đường liên xã P1 – H2, huyện P nhưng khu vực này không có người dân sinh sống nên có kêu gọi người dân ra lề đường cạnh nương thủy lợi phía Tây trục đường liên xã P1 - H2 (kênh tiêu trạm bơm P1) làm lều quán tạm bán hàng. Tại *Đơn xin đất để kinh doanh chữa xe đạp* ngày 08/01/1991 của ông Nguyễn Văn Q, *Đơn xin đất mở quán dịch vụ thú y* ngày 09/10/1992 của ông Nguyễn Trọng H3, *Biên bản làm việc* ngày 22/5/2017 của UBND xã P1 thể hiện UBND xã P1 đồng ý cho các hộ có đơn được làm lều quán tạm với chiều ngang 4m, không được đắp đất, bắc sào đưa ra sông. Từ đó đến nay, hình thành Khu C xã với hơn 50 hộ dân đóng cọc bê tông, đổ sào và làm nhà kiên cố/bán kiên cố trên nương trong đó có hộ gia đình ông Trần Văn T. Ông Trần Văn T không có văn bản của UBND xã cho mượn đất nhưng có Phiếu thu tiền của UBND xã về khoản lệ phí lòng sông đường trục từ năm 2006 đến năm 2010.

Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện P, ngày 15/6/2015 UBND xã P1 đã lập biên bản đối với các hộ có nhà, công trình trên sông đường trục xã thuộc loại đất giao thông – thủy lợi do Nhà nước quản lý, trong đó có hộ ông Trần Văn T với hiện trạng 120m² nhà xây gạch chỉ kết cấu bê tông cốt thép, mái bê tông, cao trung bình 4,6m. Biên bản có chữ ký của ông Trần Văn T.

Ngày 05/6/2017, UBND xã P1 ban hành **Thông báo số 97/TB-UBND** về việc trả lời đơn của ông Trần Văn T với nội dung: Việc các hộ đề nghị ngừng tháo dỡ công trình là không phù hợp; UBND xã chỉ cho một số hộ mượn đất, không bán, không cho thuê, không cho thầu nên không thuộc diện đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; UBND xã không đủ nguồn ngân sách để hỗ trợ nên sẽ đề nghị cấp trên xem xét; UBND xã đã quy hoạch xây dựng chợ Trung tâm tại khu Cánh Sông thuộc thôn Trình Viên nên các hộ có nhu cầu thì đăng ký.

Ngày 15/6/2017, ông Trần Văn T khiếu nại Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã P1. Ngày 08/7/2017, Chủ tịch UBND xã P1 ban hành **Quyết định số 72/QĐ-UBND** về việc giải quyết khiếu nại lần 1 đã giữ nguyên Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã P1.

Ông Trần Văn T tiếp tục khiếu nại. Ngày 08/02/2018, Chủ tịch UBND huyện P ban hành **Quyết định số 275/QĐ-UBND** về việc giải quyết khiếu nại lần 2 có nội dung giữ nguyên Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P1.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018, **Người khởi kiện yêu cầu** hủy Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã P1, hủy Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, hủy Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại lần 2; buộc UBND huyện P, Chủ tịch UBND huyện P phải công khai xin lỗi và bồi thường danh dự và thiệt hại với lý do: Ông không tự động ra đây làm nhà, lập phố mà là do UBND vận động nhân dân lập phố bán hàng phát triển kinh tế gia đình và tạo nguồn thu ngân sách cho địa phương. Ông không lấn chiếm đất như các quyết định hành chính đã nêu. Gia đình ông sử dụng ổn định làm nơi kinh doanh, sinh sống từ năm 1989 cho đến nay mà không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

Quan điểm của UBND xã P1 và Chủ tịch UBND xã P1:

Thực hiện Thông báo số 105-TB/HU ngày 06/5/2016 của Huyện ủy P, qua kiểm tra, rà soát bản đồ các năm 1982, 1995 UBND xã P1 xác định 51 hộ dân trong đó có hộ ông Trần Văn T đã xây dựng công trình nhà ở trong lòng mương thủy lợi trực đường liên xã H2 – P1 (kênh tiêu trạm bơm P1), vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 (nay là điểm b khoản 5 Điều 17 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017) nên đã ban hành Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017.

Từ khi tiếp nhận đơn khiếu nại cho đến khi ban hành Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND xã P1 đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thời hạn và thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại. Việc ông Trần Văn T cho rằng UBND xã P1 không thành lập Hội đồng tư vấn, không tổ chức đối thoại là vi phạm Thông tư

07/2013/TT-TTCTP nhưng Điều 20, Điều 21 Thông tư 07/2013/TT-TTCTP thì việc thành lập Hội đồng tư vấn là không bắt buộc. Do đó, khiếu nại của ông Trần Văn T là không đúng.

Quan điểm của Chủ tịch UBND huyện P:

Khiếu nại của ông Trần Văn T là không đúng, việc UBND xã P1 và Chủ tịch UBND xã P1 ban hành Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 và Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 là đúng quy định của pháp luật nên Chủ tịch UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 có nội dung giữ nguyên Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 28/6/2019, Thanh tra Thành phố đã ban hành Kết luận số 2990/KL-TTTP-P2 về việc thanh tra toàn diện công tác quản lý, sử dụng đất, vi phạm trật tự xây dựng, vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tại khu vực trục đường liên xã P1 - H2. Trong nội dung kết luận đã nêu việc UBND xã P1, UBND huyện P xác định và xử lý hành vi vi phạm hành chính nêu trên là phù hợp.

Quan điểm của Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển thủy lợi S:

UBND xã P1 thực hiện đầu tư xây dựng kênh Trạm bơm P1 năm 1974. Ngày 27/6/2017, UBND xã P1 đã bàn giao tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã H2 - P1 cho Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển thủy lợi S quản lý, vận hành theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND thành phố H. Kênh Trạm bơm P1 có chiều sâu trung bình 2m, chiều rộng mặt kênh 10m, khoảng cách giữa hai đỉnh bờ kênh 14m. Tại thời điểm tiếp nhận tuyến kênh đã có các công trình xây dựng trên kênh và trong phạm vi bảo vệ tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã H2 - P1. Từ khi tiếp nhận tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã H2 - P1, hàng năm Công ty đều tổ chức thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng công trình; phát quang, dọn vệ sinh trong lòng và mái kênh theo quy định, đảm bảo dẫn nước tưới tiêu.

Tháng 4/2017, Công ty đã cử cán bộ tham gia vào Tổ công tác của UBND huyện P, thực hiện công tác lập hồ sơ xử lý các trường hợp vi phạm xây dựng công trình, trong phạm vi tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã H2 - P1. Ngày 20/4/2018, Xí nghiệp Thủy lợi P thuộc Công ty đã có Văn bản số 40/2018/BC-TLPX gửi UBND huyện P và UBND xã P1 về việc vi phạm Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên kênh tiêu Trạm bơm P1. Năm 2018, Công ty đã duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán kinh phí và tổ chức thi công nạo vét, sửa chữa tuyến kênh. Tuy nhiên do các công trình xây dựng vi phạm trước đây trên kênh chưa được giải tỏa nên không thể thi công được toàn bộ chiều dài tuyến kênh theo hồ sơ thiết kế đã duyệt. Năm 2019, Công ty vẫn tổ chức thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng công trình theo quy định, đảm bảo dẫn nước tưới tiêu. Các công trình xây dựng trên kênh và trong phạm vi bảo vệ tuyến kênh nằm dọc trục

đường liên xã H2 - P1 là vi phạm các quy định về bảo vệ công trình thủy lợi, làm ảnh hưởng đến việc dẫn nước của kênh, do đó cần phải xử lý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các thành viên trong gia đình ông Trần Văn T có quan điểm, ý kiến như ông Trần Văn T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2020/HCST ngày 30 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Luật đất đai 1987; Luật đất đai 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Pháp lệnh về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001; Nghị định 141/NĐ-CP ngày 26/9/1963 của Hội đồng Chính phủ; Nghị định 112/NĐ-HĐBT ngày 25/8/1984 của Hội đồng Bộ trưởng; Nghị định 30/NĐ-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng bộ trưởng, Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ; Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; Thông tư 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại sau đây:

- Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của Ủy ban nhân dân xã P1 về việc trả lời đơn.

- Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại lần 2

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Trần Văn T về việc buộc UBND huyện P, Chủ tịch UBND huyện P phải công khai xin lỗi, bồi thường danh dự và thiệt hại về tài sản do rút yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11/6/2020, người khởi kiện là ông Trần Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn T có quan điểm cho rằng việc các hộ dân ra đây làm nhà ở là theo chủ trương của UBND xã P1. UBND xã P1 là chủ đầu tư, chủ quản lý mương thủy lợi này đến năm 2017 mới chuyển giao quyền quản lý cho Công ty S. Hộ gia đình ông T đã đóng tiền lệ phí sử dụng lòng mương hàng năm để được sử dụng công trình xây dựng trên đất chuyên dùng của xã. Người bị kiện không đưa ra được biên bản vi phạm hay sự cố công trình mương từ khi các hộ dân ra đây ở.

Tại thời điểm năm 1989 không có văn bản quy phạm pháp luật về vi phạm nương thủy lợi. Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 đã bị Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 thay thế nên việc người bị kiện áp dụng Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính Phủ để giải quyết các khiếu nại của ông Trần Văn T là áp dụng văn bản hết hiệu lực.

Công ty S không chứng minh được có sự thiệt hại hoặc ảnh hưởng đến dòng chảy của nương nên việc buộc các hộ dân tháo dỡ công trình, di dời chỗ ở là không cần thiết. Tòa án nhân dân thành phố H không áp dụng khoản 1 Điều 48 Luật Thủy lợi có hiệu lực để tuyên hủy các quyết định khắc phục hậu quả ban hành ngày 13/8/2018 của UBND huyện P là vận dụng không đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T, sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại bị khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Người khởi kiện là ông Trần Văn T không chứng minh việc được cấp phép xây dựng các công trình trên đất chuyên dụng mượn của xã P1 và lòng nương thủy lợi. Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của Ủy ban nhân dân xã P1 trả lời đơn có nội dung đề nghị của các hộ dân ngừng tháo dỡ công trình là không phù hợp; UBND xã chỉ cho một số hộ mượn đất, không bán, không cho thuê, không cho thầu nên không thuộc diện đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật và UBND xã không đủ nguồn ngân sách để hỗ trợ nên sẽ đề nghị cấp trên xem xét là đúng quy định; Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P1 và Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân trong đó có gia đình ông T là có căn cứ. Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện của những người bị kiện đã đảm bảo trình tự, thủ tục, thẩm quyền đúng theo quy định của pháp luật nên Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu hủy Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của Ủy ban nhân dân xã P1 và các quyết định giải quyết khiếu nại bị khởi kiện là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tòa án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, về thời hiệu khởi kiện, Quyết định hành chính bị khởi kiện, Quyết định hành chính và hành vi hành chính liên quan, về tư cách đương sự đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H hủy:

Thông báo số 97/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã P1 về việc trả lời đề nghị của ông Trần Văn T (lần đầu).

Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T đối với Thông báo số 97/TB-UBND của UBND xã Phú Túc (lần hai).

Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của UBND huyện P về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn T, thôn T1, xã P, thành phố H.

Buộc UBND huyện P, Chủ tịch UBND huyện P, thành phố H công khai xin lỗi bồi thường danh dự vì đã lợi dụng Thông báo 105-TB/HU của Huyện ủy P để vu cáo vi phạm trật tự xây dựng giai đoạn 2014-2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T tự nguyện rút yêu cầu buộc UBND huyện P, Chủ tịch UBND huyện công khai xin lỗi bồi thường danh dự vì đã lợi dụng Thông báo số 105-TB/HU ngày 06/5/2016 của Huyện ủy P để vu cáo vi phạm trật tự xây dựng giai đoạn 2014 - 2015 nên Tòa án sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này là phù hợp quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

[3] Tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Năm 1989, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã P1 và Hợp tác xã nông nghiệp P1 quy hoạch Chợ xã P1 tại phía Đông trục đường liên xã P1 - H2, huyện P nhưng khu vực này không có người dân sinh sống nên có kêu gọi người dân ra lẽ đường cạnh nương thủy lợi phía Tây trục đường liên xã P1 - H2 (kênh tiêu trạm bơm P1) làm lều quán tạm bán hàng. Tại Biên bản làm việc ngày 22/5/2017 của UBND xã P1 thể hiện UBND xã P1 đồng ý cho các hộ có đơn được làm lều quán tạm với chiều ngang 4m, không được đắp đất, bắc sàn đưa ra sông. Từ đó đến nay hình thành Khu C xã P1.

[4] Ông Trần Văn T không có văn bản của UBND xã P1 cho mượn đất nhưng có Phiếu thu tiền của UBND xã về khoản lệ phí lòng sông đường trục từ năm 2006 đến năm 2010. Theo quy định tại Điều 1 Nghị định 112/NĐ-HĐBT ngày 25/8/1984 của Hội đồng Bộ trưởng sau là Điều 7 Pháp lệnh về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001 thì mọi tổ chức và cá nhân được hưởng lợi do sử dụng công trình thủy lợi, dịch vụ thủy lợi đều có trách nhiệm nộp tiền. Do đó việc UBND xã P1 thu lệ phí lòng sông đường trục của các hộ gia đình, cá nhân có công trình trên nương là không trái quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đây không phải là cơ sở để công nhận lòng sông đường trục thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình nộp phí.

[5] Mặt khác, theo khoản 4 Điều 13 Luật Đất đai 1987 và Điều 8 Nghị định 30/NĐ-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng bộ trưởng, việc giao đất cho hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện. Do đó, việc

UBND xã P1 và Chủ tịch UBND xã P1 thời kỳ năm 1989 cho các hộ gia đình, cá nhân mượn đất dẽ, ven đường để dựng lều, quán kinh doanh và đồng ý cho bắc sàn qua mương làm lều quán tạm để bán hàng là trái thẩm quyền, vi phạm pháp luật về đất đai và pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi. Quá trình tham gia tố tụng, ông Trần Văn T thừa nhận năm 1989 ông cùng các hộ dân được UBND xã P1 vận động làm lều tạm bán hàng phát triển kinh tế gia đình và tạo nguồn thu ngân sách cho địa phương nên không có quyết định giao đất. Như vậy, việc các hộ gia đình, cá nhân trong đó hộ gia đình ông Trần Văn T có công trình trên đất dẽ, ven đường, lòng mương thủy lợi đều không thuộc trường hợp được Nhà nước cấp đất, cho thuê đất hoặc đấu thầu nên không thuộc diện đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật;

[6] Điều 18 Nghị định 141/NĐ-CP ngày 26/9/1963 của Hội đồng Chính phủ về việc ban hành điều lệ quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy nông đã quy định cấm đắp bờ trên bờ kênh, cấm bắc cầu qua kênh nếu không được phép của Hội đồng quản trị nông giang đối với các hệ thống liên tỉnh và Ủy ban hành chính tỉnh hoặc thường trực Trung ương đối với các hệ thống nằm trong một tỉnh; cấm xây dựng nhà cửa trong phạm vi 30m cách chân các kênh nổi và 10m cách chân các kênh chìm. Việc UBND xã P1 cho phép người dân sử dụng dẽ đường, sát kênh mương, bắc sàn qua kênh, mương thủy lợi để làm lều, quán thì đều là vi phạm pháp luật về quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy nông, thủy lợi quy định tại Nghị định 141/NĐ-CP ngày 26/9/1963 của Hội đồng Chính phủ. Do đó, việc ông Trần Văn T kháng cáo cho rằng tại thời điểm năm 1989 không có văn bản quy phạm pháp luật về vi phạm mương thủy lợi là không có cơ sở.

[7] Ngày 15/6/2015, UBND xã P1 đã lập biên bản đối với các hộ có nhà, công trình trên sông đường trục xã thuộc loại đất giao thông - thủy lợi do Nhà nước quản lý, trong đó có hộ ông Trần Văn T với hiện trạng 120m² nhà xây gạch chỉ kết cấu bê tông cốt thép, mái bê tông, cao trung bình 4,6m. Biên bản có chữ ký của ông Trần Văn T. Hộ gia đình ông T có tên trong phần “*Các trường hợp công trình vi phạm lĩnh vực thủy lợi thời điểm trước năm 2014*” tại Bảng tổng hợp các trường hợp vi phạm trong sử dụng đất không đúng quy định hiện nay còn tồn tại trên địa bàn ban hành kèm theo Báo cáo số 23/BC-UBND ngày 25/4/2016 của UBND xã P1 gửi UBND huyện P (thể hiện 55 trường hợp); Thông báo số 105-TB/HU ngày 06/5/2016 của huyện ủy P yêu cầu Đảng ủy, UBND xã P1 xây dựng kế hoạch giải tỏa và tổ chức giải tỏa xong trước ngày 30/9/2016 để mở rộng đường và đảm bảo tiêu thoát nước trong mùa mưa bão đối với 55 trường hợp vi phạm công trình thủy lợi (xây nhà, lều quán kinh doanh trên mương thủy lợi giáp đường liên xã P1 - H2) kèm theo danh sách 27 trường hợp tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp và 19 trường hợp lấn đất công; Kết luận số 27-KL/UBKTTU ngày 20/01/2017 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy Hà Nội xác định 55 công trình xây dựng không phép đã chỉ đạo

UBND huyện P xử lý triệt để các trường hợp vi phạm về quản lý đất đai, trật tự xây dựng, hoàn thành trước ngày 01/7/2017. UBND xã P1 đã lập Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 07/3/2017 tổng hợp kết quả xử lý vi phạm đất đai trên địa bàn xã. UBND huyện P đã lập Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 21/3/2017 đề ra giải pháp và tổ chức thực hiện đối với 52 trường hợp vi phạm trên lòng mương đường trục liên xã P1 - H2 tại danh sách kèm theo Biểu 03 có công trình của hộ gia đình ông Trần Văn T. Ngày 12/4/2017, UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 1883/QĐ-UBND thành lập tổ công tác hướng dẫn xã P1 lập hồ sơ xử lý các trường hợp vi phạm tại lòng mương thủy lợi trục đường liên xã P1 - H2, đề xuất UBND huyện P phương án xử lý. Thông báo số 83/TB-UBND ngày 12/4/2017 của UBND huyện P về việc xử lý các trường hợp vi phạm mương thủy lợi, trong đó: Giao Đội thanh tra xây dựng huyện và UBND xã P1 hoàn thiện hồ sơ xử lý các trường hợp vi phạm mương thủy lợi theo trục đường H2 - P1 qua địa bàn xã P1. Do đó, kháng cáo của ông T cho rằng người bị kiện không đưa ra được biên bản vi phạm hay sự cố công trình mương từ khi các hộ dân ra đây ở, Công ty S không chứng minh được có sự thiệt hại hoặc ảnh hưởng đến dòng chảy của mương là không đúng thực tế.

[8] Nhà ở và các công trình phụ trợ của hộ gia đình ông T xây dựng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 44 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 của Quốc hội, không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của ông T về việc vận dụng khoản 1 Điều 48 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 của Quốc hội để xử lý công trình hiện có của gia đình ông trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

[9] Hộ ông Trần Văn T không thuộc trường hợp bị Nhà nước thu hồi đất mà thuộc trường hợp bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục lại tình trạng ban đầu theo quy định tại Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều; phòng, chống lụt, bão nên không được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. UBND xã P1 trả lời các hộ dân trong đó có ông Trần Văn T không thuộc diện đền bù giải phóng mặt bằng là đúng theo quy định của pháp luật. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện yêu cầu buộc UBND huyện P vận dụng quy định tại khoản 12, khoản 14 Điều 3 và điểm c khoản 1 Điều 83 Luật Đất đai 2013 bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông T.

[10] UBND xã P1 xác định nguồn ngân sách không đảm bảo hỗ trợ cho các hộ dân trong đó có ông Trần Văn T nên sẽ tiếp thu ý kiến đề nghị của ông T *“nếu bắt buộc phải giải tỏa thì yêu cầu Nhà nước phải có chính sách hỗ trợ”* lên cấp trên xem xét là phù hợp.

[11] Hiện nay chính quyền địa phương đã quy hoạch xây dựng chợ Trung tâm tại khu Cánh Sông thuộc thôn Trình Viên và đã thông báo các hộ có nhu cầu

thì đăng ký nên quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T cũng như của các hộ dân ở Khu C xã bị di dời đã được bảo đảm. Thông báo số 97/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã P1 về việc trả lời đề nghị của ông Trần Văn T (lần đầu) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P1 và Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của UBND huyện P không chấp nhận khiếu nại của ông Trần Văn T đối với Thông báo số 97/TB-UBND của UBND xã P1; Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND huyện P về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định. Tòa án sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[12] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là ông Trần Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật nhưng ông Trần Văn T là người cao tuổi, thuộc trường hợp miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Trần Văn T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2020/HCST ngày 30 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Về án phí: Ông Trần Văn T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Mai